TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/DS-PT
Ngày: 07-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 33/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1943; địa chỉ: Số 639, Tổ 8, ấp TT, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà C, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 446, Tổ 12, ấp TT, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà T trình bày:

Bà C có tham gia 02 phần hụi, dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày ngày 29-7-2016 (là ngày 26-6-2016 âm lịch), hụi có lãi và có 22 phần do bà làm chủ hụi, cụ thể:

+ Phần hụi thứ 1: Bà C lĩnh hụi kỳ đầu tiên vào ngày 26-6-2016 âm lịch, số tiền hụi là 23.000.000 đồng (trừ lại 1 phần hụi sống bà C phải đóng và tiền hoa hồng) nên số tiền hốt hụi còn lại là 21.500.000 đồng. Khi lĩnh hụi bà C có ký nhận giấy tờ với bà; sau khi lĩnh hụi, bà có giao thêm cho bà C số tiền 1.200.000 đồng từ hụi viên thứ 22 (bà P tham gia thêm vào dây hụi sau khi mở hụi vài ngày), việc giao nhận số tiền 1.200.000 đồng không có giấy tờ. Bà C đóng hụi (phần hụi đã lĩnh) được 08 kỳ, còn nợ lại 13 kỳ hụi với số tiền 26.000.000 đồng.

+ Phần hụi thứ 2: Bà C góp hụi được 09 kỳ với số tiền 11.120.000 đồng thì ngưng, do kỳ hụi thứ 10 bà không đồng ý để bà C hốt hụi, mặc dù bà C bỏ thăm hụi cao hơn hụi viên khác nên bà C ngưng đóng cả hai phần hụi. Bởi vì khi tham gia hụi, bà và bà C có thỏa thuận miệng nếu hụi viên tham gia 02 phần hụi trong cùng 01 dây hụi thì chỉ được lĩnh 01 phần hụi, phần hụi còn lại phải lĩnh hụi cuối.

Sau khi bà C ngưng không đóng tiền 02 phần hụi trên, bà và bà C có tính tiền hụi, cấn trừ tiền phần hụi chưa lĩnh và phần hụi đã lĩnh thì bà C còn nợ bà 6.000.000 đồng. Việc thỏa thuận cấn trừ tiền hụi có lập giấy tờ, nhưng hiện nay đã thất lạc nên bà không cung cấp được.

Từ khi thỏa thuận cấn trừ hụi đến nay, bà C không trả cho bà khoản tiền nào, nên bà khởi kiện yêu cầu bà C trả cho bà tiền hụi cụ thể: Số tiền hụi đã lĩnh trừ đi tiền hụi chưa lĩnh (26.000.000 đồng - 11.120.000 đồng) = 14.880.000 đồng.

Việc góp hụi có danh sách hụi và bà đều giao cho từng hụi viên. Hụi kết thúc ngày 26/02/2018 âm lịch. Giao dịch góp hụi là giữa bà và bà C không liên quan ai khác, nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền hụi 14.880.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn bà C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về dây hụi, thời gian mở hụi, số phần hụi bà tham gia, thời gian và số tiền lĩnh hụi, số tiền nợ khi bà và bà T thỏa thuận cấn trừ tiền hụi còn nợ bà T 6.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên, bà không thống nhất với bà T về số hụi viên tham gia dây hụi, số tiền hụi đã góp của phần hụi đã lĩnh và phần hụi chưa lĩnh cho bà T, cụ thể:

+ Phần hụi thứ 1: Sau khi lĩnh hụi kỳ đầu tiên được số tiền 21.500.000 đồng, bà góp hụi được 10 kỳ (đến ngày 26-3-2017 âm lịch) thì ngưng, số tiền hụi đã góp là 20.000.000 đồng. Việc bà góp hụi cho bà T không có giấy tờ và cũng không có người chứng kiến.

+ Phần hụi thứ 2: Bà góp hụi được 10 kỳ, đến ngày 26-3-2017 âm lịch thì ngưng, do bà T không cho bà lĩnh hụi mặc dù bà bỏ thăm hụi cao hơn hụi viên khác. Số tiền hụi đã góp bao nhiêu bà không nhớ, vì số tiền hụi từng kỳ không giống nhau và bà không ghi lại.

Khi bà tham gia hụi, dây hụi có 21 người, bà T không thông báo cho bà biết việc có thêm hụi viên khác tham gia và cũng không giao thêm cho bà số tiền 1.200.000 đồng.

Việc bà tham gia góp hụi có danh sách hụi, nhưng do hụi kết thúc ngày 26-02-2018 âm lịch nên bà không còn giữ giấy tờ hụi. Khi lĩnh hụi bà có ký nhận với bà T, chữ ký tên "C" trong giấy hụi do bà T cung cấp do bà ký nhận, họ tên C do bà T viết. Việc góp hụi là giao dịch riêng giữa bà với bà T, không liên quan ai khác.

Bà không đồng ý trả số tiền hụi 14.880.000 đồng cho bà T, vì phần hụi chưa lĩnh bà T không giao tiền hụi cho bà, mặc dù kỳ hụi này bà bỏ thăm hụi cao hơn hụi viên khác.

Tại bản án số: 43/2018/DS-ST ngày 01-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ các Điều 117, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà C về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà C trả số tiền 8.880.000 (tám triệu, tám trăm, tám mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, bà T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án, chấp nhận yêu cầu của bà buộc bà C trả cho bà số tiền nợ hụi là 14.880.000 đồng.

Tại phiên tòa: Bà T yêu cầu bà C trả tiền hụi còn nợ là 14.880.000 đồng; bà C cho rằng phần hụi thứ 2 bà đóng hụi sống được 10 kỳ, kỳ thứ 11 bà bỏ thăm cao hơn các hụi viên khác nhưng bà T không cho hốt hụi nên bà không đồng ý trả tiền hụi như bà T yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 01-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà T yêu cầu bà C trả số tiền hụi 14.880.000 đồng, thấy rằng:

Bà C tham gia góp 02 phần hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 26-6-2016 (âm lịch), có 21 phần do bà T làm chủ hụi là có thật được hai bên thừa nhận.

Đối với phần hụi thứ 1: Bà C hốt được 23.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng và tiền hụi sống bà C phải đóng còn lại là 21.500.000 đồng, bà C có ký nhận hụi. Bà T cho rằng phần hụi hốt này bà có đưa thêm cho bà C 1.200.000 đồng là tiền của hụi viên mới tham gia, nên dây hụi có 22 phần; số tiền này bà ghi vào giấy hốt hụi bà C đã ký trước đó (bút lục 22); bà C không thừa nhận cho rằng bà T không có đưa thêm cho bà 1.200.000 đồng; bà T không có chứng cứ chứng minh cho việc có đưa bà C 1.200.000 đồng. Do đó, không có cơ sở xem xét đã đăng tiền hụi cho bà C 22 phần như bà T trình bày.

Đối với phần hụi thứ 2: Bà T xác định bà C đóng hụi sống được 09 kỳ, đến kỳ thứ 10 bà C bỏ thăm hụi cao hơn hụi viên khác, nhưng bà không đăng hụi cho bà C vì giữa bà và bà C có thỏa thuận miệng nếu hụi viên tham gia 02 phần trong cùng một dây hụi thì chỉ được hốt 1 phần, phần còn lại phải hốt cuối; bà C không thừa nhận cho rằng không có việc thỏa thuận này, do bà T không cho bà hốt phần hụi thứ 2 nên bà ngưng không đóng hai phần hụi.

Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi, bà T và bà C đều vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi là không đăng tiền hụi cho hụi viên; hụi viên hốt hụi nhưng không tiếp tục đóng hụi.

Tại cấp sơ thẩm bà T và bà C đều thừa nhận sau khi bà C ngưng không đóng 02 phần hụi thì giữa bà T và bà C có thỏa thuận cấn trừ tiền phần hụi chưa hốt và nợ phần hụi đã hốt thì bà C còn nợ bà T 6.000.000 đồng, việc thỏa thuận có giấy tờ, nhưng đã bị thất lạc. Việc thỏa thuận giữa bà T và bà C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T 6.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở xem xét.

[2] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của bà Toàn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà T.

2. Giữ nguyên Bản án số: 43/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà C về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng; ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu bà C trả số tiền 8.880.000 (tám triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng bà C còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Bà T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà T 372.000 (ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0005321 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Trương Thị Tuyền